



A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK



GLOBAL PRESENCE - LOCAL EXCELLENCE

Báo cáo tài chính hợp nhất
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG VÀ CÔNG TY CON
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. HCM
E-mail: info@aascs.com.vn

Tel: (84.8) 38205944 - 38205947

Fax: (84.8) 38205942

Website: www.aascs.com.vn



Báo cáo tài chính hợp nhất
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG VÀ CÔNG TY CON
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán



ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 38205943 – 38205944

Fax: (08) 38205942

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011	08 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2011	11 - 11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011	12 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kiên Hùng (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con cho giai đoạn tài chính năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kiên Hùng là Công ty được sáp nhập từ Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty TNHH Bột Cá Kiên Hùng theo Hợp đồng sáp nhập số 01/2009/HĐSN ngày 18/12/2009 giữa 2 bên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2009 Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kiên Hùng ra quyết định số 148/2009/QĐ-HĐTV thống nhất việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang hình thức Công ty Cổ phần. Sau khi tiến hành sáp nhập và chuyển đổi, Công ty Cổ phần Kiên Hùng sẽ kế thừa toàn bộ lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về những khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty Bột cá Kiên Hùng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

- Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 56.020.000.000 đồng.

Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng
Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng – Trạm thu mua chế biến thủy sản.
Địa chỉ Chi nhánh: Kiot 76, Khu cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

CÔNG TY CON

Số Công ty con của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tại 31/12/2011 : 01 Công ty

- Tổng số Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- Tổng số Công ty con không được hợp nhất: - công ty

Danh sách Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo này:

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích công ty đến ngày 31/12/2011	Tỷ lệ biểu quyết đến ngày 31/12/2011
Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang	55,56%	55,56%



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

CÔNG TY LIÊN KẾT

Số Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tại 31/12/2011 : 01 Công ty

- Tổng số Công ty liên kết được hợp nhất: 01 công ty
- Tổng số Công ty liên kết không được hợp nhất: - công ty

Danh sách Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo này:

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích công ty đến ngày 31/12/2011	Tỷ lệ biểu quyết đến ngày 31/12/2011
-------------	--	---

Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Phát	37%	37%
----------------------------------	-----	-----

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011 của Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng và Công ty con được Ban Tổng Giám đốc lập và trình bày từ trang 08 đến trang 26 kèm theo.

SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TRẦN QUỐC DŨNG	Chủ tịch
Ông DƯƠNG CÔNG TRỊNH	Phó Chủ tịch
Bà LÂM THỊ HƯƠNG MAI	Thành viên
Bà LÂM THỊ HƯƠNG NGỌC	Thành viên
Ông HUỖNH CÔNG LUẬN	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông TRẦN QUỐC DŨNG	Tổng Giám đốc
Ông DƯƠNG CÔNG TRỊNH	Phó Tổng Giám đốc
Ông HUỖNH CÔNG LUẬN	Giám đốc Chi nhánh-Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng
Ông NGUYỄN VĂN THÀNG	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Kiên Hùng và Công ty con năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 10 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC DŨNG



Số 16..... BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con*

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con được lập ngày 10 tháng 01 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 được trình bày từ trang 08 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của **Tổng Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



TP HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2012

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Tổng Giám Đốc



LÊ VĂN TUẤN
Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

Kiểm Toán Viên

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC
Chứng chỉ KTV số 1091/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.775.064.531	69.502.014.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.326.137.627	2.844.577.033
1. Tiền	111		14.326.137.627	2.844.577.033
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
III. Các khoản phải thu	130		22.284.547.853	22.111.661.192
1. Phải thu của khách hàng	131		15.705.927.434	17.807.893.154
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	6.578.620.419	4.303.768.038
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		48.739.704.220	43.117.733.182
1. Hàng tồn kho	141	V.03	49.392.864.220	43.117.733.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(653.160.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.424.674.831	1.428.043.480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		228.246.171	326.095.385
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.599.337.979	573.429.219
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	346.545.587	208.485.794
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	250.545.094	320.033.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.757.390.380	76.813.425.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.328.223.165	74.242.890.817
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	55.926.524.662	57.028.932.798
- Nguyên giá	222		73.905.391.136	71.226.444.640
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.978.866.474)	(14.197.511.842)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	13.187.198.500	11.608.364.500
- Nguyên giá	228		13.187.198.500	11.608.364.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	20.214.500.003	5.605.593.519
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		740.000.000	370.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		740.000.000	370.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.689.167.215	2.200.535.015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.689.167.215	2.200.535.015
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.532.454.911	146.315.440.719

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.357.902.286	84.805.464.859
I. Nợ ngắn hạn	310		91.767.136.604	70.601.421.949
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	68.135.061.847	42.458.443.232
2. Phải trả người bán	312		13.001.365.868	20.935.845.203
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	5.941.226.671	4.133.214.140
5. Phải trả người lao động	315		1.059.426.142	1.126.618.693
6. Chi phí phải trả	316		712.600.000	256.800.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	568.424.532	75.107.184
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.349.031.544	1.615.393.497
II. Nợ dài hạn	330		15.590.765.682	14.204.042.910
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	15.590.765.682	14.204.042.910
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.654.552.625	61.509.975.860
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	68.654.552.625	61.509.975.860
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.020.000.000	56.020.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(103.234.648)	(45.990.708)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.259.948.094	401.783.733
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		738.311.456	401.783.733
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		336.527.723	301.337.800
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.403.000.000	4.431.061.302
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.520.000.000	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.532.454.911	146.315.440.719

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại	USD	394.387,24	2.732,83

Ngày 10 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu



Lâm Thị Hương Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám Đốc



Trần Quốc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính : VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		328.914.384.715	207.839.011.252
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ và hàng hóa	02		(299.342.453.599)	(202.783.823.335)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.520.611.510)	(13.141.509.657)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(715.194.643)	(489.040.244)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(37.043.553)	(18.808.711)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		48.278.955.435	32.746.922.709
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(59.868.958.158)	(8.980.663.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.709.078.687	15.172.088.927
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.708.800.241)	(4.005.863.340)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	17.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua lại công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.300.000.000)	(1.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.300.000.000	2.250.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(370.000.000)	(370.000.000)
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.808.034.912	2.039.367.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		729.234.671	(1.869.495.434)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.520.000.000	2.536.194.300
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		214.927.570.547	178.091.482.918
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(202.094.183.654)	(247.553.969.060)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.232.061.302)	(738.107.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.121.325.591	(67.664.399.166)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.559.638.949	2.899.991.393
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.844.577.033	4.902.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(78.078.355)	(60.316.631)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.20	14.326.137.627	2.844.577.033

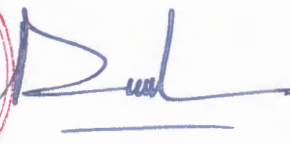
Ngày 10 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Lâm Thị Hương Ngọc

Nguyễn Văn Thành

Trần Quốc Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kiên Hùng là Công ty được sáp nhập từ Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty TNHH Bột Cá Kiên Hùng theo Hợp đồng sáp nhập số 01/2009/HĐSN ngày 18/12/2009 giữa 2 bên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2009 Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kiên Hùng ra quyết định số 148/2009/QĐ-HĐTV thống nhất việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang hình thức Công ty Cổ phần. Sau khi tiến hành sáp nhập và chuyển đổi, Công ty Cổ phần Kiên Hùng sẽ kế thừa toàn bộ lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về những khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty TNHH Kiên Hùng và Công ty Bột cá Kiên Hùng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700339752 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp:

- Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất nước đá; Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư, chất phụ gia, hóa chất hydrogen peroxide, chlorine phục vụ cho chế biến thủy sản; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 56.020.000.000 đồng.

Công ty có 02 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Nhà máy Bột Cá Kiên Hùng
Địa chỉ Chi nhánh: đặt tại Tổ 8, Ấp An Bình, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Kiên Hùng – Trạm thu mua chế biến thủy sản.
Địa chỉ Chi nhánh: Kiot 76, Khu cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

CÔNG TY CON

Số Công ty con của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tại 31/12/2011 : 01 Công ty

- Tổng số Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- Tổng số Công ty con không được hợp nhất: - công ty

Danh sách Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo này:

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích công ty đến ngày 31/12/2011	Tỷ lệ biểu quyết đến ngày 31/12/2011
Công ty Cổ phần Biển Xanh Kiên Giang	55,56%	55,56%



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

CÔNG TY LIÊN KẾT

Số Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tại 31/12/2011 : 01 Công ty

- Tổng số Công ty liên kết được hợp nhất: 01 công ty
- Tổng số Công ty liên kết không được hợp nhất: - công ty

Danh sách Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo này:

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích công ty đến ngày 31/12/2011	Tỷ lệ biểu quyết đến ngày 31/12/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Phát	37%	37%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và các văn bản bổ sung, hướng dẫn kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con).

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát này tồn tại khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con (công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp công ty con hoặc sở hữu gián tiếp công ty con qua một công ty con khác) trừ trường hợp đặc biệt khi xác định rõ là quyền sở hữu không gắn liền với quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát còn được thực hiện ngay cả khi công ty mẹ nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con trong các trường hợp sau đây:

- Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận;
- Công ty mẹ có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty mẹ có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

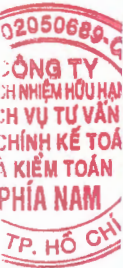
Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó.

Công ty và các Công ty con hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con. Phần giá trị chênh lệch cao hơn giữa giá phí mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần tương ứng với phần vốn sở hữu của Công ty trong các công ty con được ghi nhận là Lợi thế thương mại; Trường hợp giá phí mua thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần tương ứng thì phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền và công nợ phải thu tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động trong năm.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

3.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:

Phương pháp, tỷ lệ trích khấu hao được thực hiện tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông Tư 203/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Đối với nhà cửa, vật kiến trúc, thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, với mức trích:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| o Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| o Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| o Tài sản cố định khác | 04 - 12 năm |

- Đối với máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp sản xuất, Công ty phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm. Công suất thiết kế máy 1.000 tấn/năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là giảm trừ giá gốc đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền, công nợ phải thu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Các bên liên quan:

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan đã được chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Tiền mặt	3.176.164.821	524.661.768
- Tiền gửi ngân hàng	11.149.972.806	2.319.915.265
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	14.326.137.627	2.844.577.033

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Phải thu khác	888.369.150	4.241.941.915
- Phải thu khác ở Công ty con	5.684.900.000	-
- Bảo hiểm xã hội	3.777.366	45.652.947
- Bảo hiểm y tế	944.342	14.715.929
- Bảo hiểm thất nghiệp	629.561	1.457.247
Cộng	6.578.620.419	4.303.768.038

3. Hàng tồn kho

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Nguyên liệu, vật liệu	4.992.428.676	3.715.458.668
- Công cụ, dụng cụ	2.237.891.447	1.736.596.764
- Thành phẩm	42.162.544.097	37.665.677.730
Cộng giá gốc hàng tồn kho	49.392.864.220	43.117.733.162

Ghi chú: Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Ngoại Thương Kiên Giang.

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Thuế xuất, nhập khẩu	346.545.587	208.485.794

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Tạm ứng	250.545.094	320.033.087

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	26.243.040.796	40.216.837.684	2.245.358.657	1.064.523.174	292.410.000	1.164.274.329	71.226.444.640
- Mua trong kỳ	102.971.405	1.358.089.597	-	-	-	-	1.461.061.002
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.290.160.494	-	-	-	-	1.290.160.494
- Tăng khác	221.701.560	-	-	-	-	-	221.701.560
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(72.275.000)	-	-	-	(72.275.000)
- Giảm khác	-	(221.701.560)	-	-	-	-	(221.701.560)
Số dư cuối kỳ	26.567.713.761	42.643.386.215	2.173.083.657	1.064.523.174	292.410.000	1.164.274.329	73.905.391.136
II- Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	3.740.508.525	9.041.519.685	229.507.816	631.662.803	36.551.256	517.761.757	14.197.511.842
- Khấu hao trong kỳ	806.790.770	2.662.091.819	113.456.582	80.083.512	42.643.127	95.720.076	3.800.785.886
- Tăng khác	17.507.328	-	-	-	-	-	17.507.328
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(19.431.254)	-	-	-	(19.431.254)
- Giảm khác	-	(17.507.328)	-	-	-	-	(17.507.328)
Số dư cuối kỳ	4.564.806.623	11.686.104.176	323.533.144	711.746.315	79.194.383	613.481.833	17.978.866.474
III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình							
Tại ngày đầu năm	22.502.532.271	31.175.317.999	2.015.850.841	432.860.371	255.858.744	646.512.572	57.028.932.798
Tại ngày cuối kỳ (*)	22.002.907.138	30.957.282.039	1.849.550.513	352.776.859	213.215.617	550.792.496	55.926.524.662

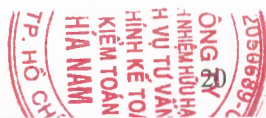
Ghi chú:

(*) Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

22.265.050 VND

- Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Kiên Giang.



7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	11.608.364.500	11.608.364.500
- Tăng khác	1.578.834.000	1.578.834.000
Số dư cuối năm	13.187.198.500	13.187.198.500
II- Giá trị hao-mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư cuối năm	-	-
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
Tại ngày đầu năm	11.608.364.500	11.608.364.500
Tại ngày cuối năm(*)	13.187.198.500	13.187.198.500

Ghi chú:

(*) Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Ngoại Thương.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	20.214.500.003	5.605.593.519
Trong đó:		
+ Mua sắm TSCĐ	15.586.260.391	5.554.334.194
+ Xây dựng cơ bản	4.628.239.612	51.259.325

9. Vay ngắn hạn

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay VND) (*)	10.250.000.000	15.090.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay USD) (*)	15.520.244.550	366.144.880
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay VND) (**)	6.784.761.457	23.000.000.000
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay USD) (**)	35.580.055.840	4.002.298.352
Cộng	68.135.061.847	42.458.443.232

(*) Đây là những khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại Thương Kiên Giang từ các hợp đồng hạn mức tín dụng. Mục đích vay: Tiền vay được sử dụng để thu mua nguyên liệu chế biến các mặt hàng thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu, sản xuất chế biến bột cá. Biện pháp đảm bảo nợ vay là toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Kiên Hùng và của cá nhân Ông Trần Quốc Dũng, Bà Lâm Thị Hương Mai. Tổng giá trị tài sản bảo đảm: 66.392.000.000 đồng.

(**) Đây là những khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Công Thương Kiên Giang từ các hợp đồng hạn mức tín dụng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động mua bán, chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc. Biện pháp đảm bảo nợ vay: thế chấp tài sản của Công ty CP Kiên Hùng và của bên thứ ba. Tổng giá trị tài sản bảo đảm: 6.676.000.000 đồng.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Thuế GTGT	1.155.605.193	109.298.982
- Thuế thu nhập cá nhân	49.620.710	53.136.838
- Thuế TNDN	4.170.435.799	3.970.778.320
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	565.564.969	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Cộng	5.941.226.671	4.133.214.140

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước này sẽ còn được Cơ quan Thuế kiểm tra đánh giá lại. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- BHXH, BHYT, BHTN, CPCĐ	112.758.982	74.575.565
- Cty TNHH Xây Dựng Thành Nhân	90.752.460	
- CTY TNHH MTV Minh Vàng	17.723.090	
- Cty TNHH Bách Khoa Quốc Gia	211.640.000	
- Ban Kiểm Soát (Tiền thù lao)	15.000.000	
- Công ty TNHH Mỹ Mỹ	-	531.619
- Trần Thị Luyện	120.550.000	
Cộng	568.424.532	75.107.184

12. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay VND) (*)	6.982.309.230	5.083.132.800
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (khoản vay USD) (*)	3.720.588.952	2.833.042.610
- Ngân hàng Công thương Kiên Giang (khoản vay VND) (**)	4.887.867.500	6.287.867.500
Cộng	15.590.765.682	14.204.042.910

(*) Đây là khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang để đầu tư xây dựng công trình nhà máy bột cá Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai của "Dự án xây dựng nhà máy chế biến bột cá Kiên Hùng".

(**) Đây là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Kiên Giang để bù đắp và thanh toán chi phí xây dựng, chi phí mua máy móc thiết bị và các chi phí khác có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy bột cá của Công ty Cổ phần Kiên Hùng; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày 10/06/2010 đến ngày 10/06/2015; Biện pháp đảm bảo nợ vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

13. Vốn chủ sở hữu.**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu****a.1 Năm trước**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Tổng cộng
- Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển số dư từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần	29.206.851.373	20.349.959.661	(286.038.875)				49.270.772.159
- Tăng vốn Công ty Cổ phần theo Biên bản họp số 25/2009/BB-HĐTV và Quyết định số 48/2009/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên	26.813.148.627	(18.586.183.212)					8.226.965.415
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2010		10.044.547.434					10.044.547.434
- Các khoản khác		(3.894.903)					(3.894.903)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			286.038.875				286.038.875
- Chia lợi nhuận 2009		(1.038.107.323)					(1.038.107.323)
- Ứng 5% tiền cổ tức đợt 1/2010 theo biên bản họp HĐQT lần 5		(2.801.000.000)					(2.801.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(2.429.355.089)					(2.429.355.089)
- Trích quỹ đầu tư phát triển		(401.783.733)		401.783.733			-
- Trích quỹ dự phòng tài chính		(401.783.733)			401.783.733		-
- Trích quỹ khác		(301.337.800)				301.337.800	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			(45.990.708)				(45.990.708)
- Số dư cuối năm trước	56.020.000.000	4.431.061.302	(45.990.708)	401.783.733	401.783.733	301.337.800	61.509.975.860



CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

Số 14A Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

a.2 Năm nay

- Số dư đầu năm nay	56.020.000.000	4.431.061.302	(45.990.708)	401.783.733	401.783.733	301.337.800	61.509.975.860
- Tăng vốn trong kỳ							-
- Lợi nhuận trong năm 2011		16.826.386.144					16.826.386.144
- Chia cổ tức năm 2010 (*)		(4.431.061.302)					(4.431.061.302)
- Chia cổ tức đợt 1/2011 (**)		(2.801.000.000)					(2.801.000.000)
- Trích các quỹ (***)		(3.531.219.807)		2.858.164.361	336.527.723	336.527.723	-
- Chuyển Quỹ khác sang Quỹ khen thưởng ban điều hành cho đúng nội dung						(301.337.800)	
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành		(2.019.166.337)					(2.019.166.337)
- Hoàn nhập chênh lệnh tỷ giá chưa thực hiện			45.990.708				45.990.708
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			(103.234.648)				(103.234.648)
- Chi khác		(72.000.000)					(72.000.000)
Số dư cuối kỳ này	56.020.000.000	8.403.000.000	(103.234.648)	3.259.948.094	738.311.456	336.527.723	68.654.552.625

Ghi chú:

(*) Công ty chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2010 theo nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-DHĐCD ngày 29/01/2011.

(**) Công ty tạm ứng cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2011 theo nội dung tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2011/NQ-HĐQT ngày 18/07/2011.

(***) Công ty tạm trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2011 theo nội dung tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011/NQ-HĐQT ngày 29/12/2011.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011

	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
- Vốn góp của Ông Trần Quốc Dũng	26.088.160.000	47%
- Vốn góp của Ông Dương Công Trịnh	1.760.000.000	3%
- Vốn góp của Bà Lâm Thị Hương Mai	2.000.000.000	4%
- Vốn góp của Các cổ đông khác	26.171.840.000	47%
Cộng	56.020.000.000	100%

c. Cổ phiếu

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.602.000	5.602.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	5.602.000	5.602.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.602.000	5.602.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.602.000	5.602.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.602.000	5.602.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

14. Doanh thu

	Năm 2011	Năm 2010
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.915.970.296	239.982.290.461
Trong đó:		
+ Doanh thu bán thành phẩm	109.924.358.912	90.878.553.028
+ Doanh thu bán phế phẩm	4.580.288.088	5.621.655.341
+ Doanh thu khác	47.257.780	-
+ Doanh thu bán bột cá	212.364.065.516	143.482.082.092
- Các khoản giảm trừ doanh thu	5.881.880	-
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.910.088.416	239.982.290.461
Trong đó:		
+ Doanh thu bán thành phẩm	109.924.358.912	90.878.553.028
+ Doanh thu bán phế phẩm	4.580.288.088	5.621.655.341
+ Doanh thu khác	47.257.780	-
+ Doanh thu bán bột cá	212.358.183.636	143.482.082.092

15. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
- Giá vốn của thành phẩm	103.268.094.539	84.217.926.299
- Giá vốn của-phế phẩm	4.580.288.088	5.622.655.341
- Giá vốn khác	47.257.780	
- Giá vốn của bột cá	181.373.152.166	126.359.296.251
Cộng	289.268.792.573	216.199.877.891

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
- Lãi tiền gửi	1.177.151.500	26.588.592
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.169.929.522	2.013.469.314
Cộng	4.347.081.022	2.040.057.906

17. Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
- Chi phí lãi vay	6.265.077.957	4.118.313.986
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.368.056.734	891.796.712
Cộng	8.633.134.691	5.010.110.798

18. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2011		
	Công ty mẹ	Công ty con	Tổng cộng toàn Công ty
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.075.062.028	-	17.075.062.028
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
- Tổng lợi nhuận chịu thuế	17.075.062.028	-	17.075.062.028
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	355.251.263	-	355.251.263
- Giảm 30% Thuế TNDN theo Nghị quyết 08/2011/QH13	106.575.379	-	106.575.379
- Chi phí thuế TNDN phải nộp	248.675.884	-	248.675.884

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.826.386.144	10.044.547.434
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.826.386.144	10.044.547.434
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.602.000	5.602.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.004	1.793

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

20. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kiên Hùng năm 2010 được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán.

Ngày 10 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu



Lâm Thị Hương Ngọc

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám Đốc



Trần Quốc Dũng

